

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần CMVIETNAM) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 18 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 18 ngày 02 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Văn Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0263/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh Báo cáo tài chính số VIII.3 về việc Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh theo Biên bản thanh tra thuế thời kỳ năm 2019 đến năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

7/2/23
H
S.V.
11.2.23

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.724.970.972	197.984.600.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.179.466.879	11.816.963.479
1. Tiền	111		31.903.680	11.816.963.479
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.147.563.199	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.791.736.291	34.314.990.418
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.791.736.291	34.314.990.418
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		214.806.636.110	106.355.870.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	122.833.505.827	82.317.640.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.865.231.574	4.517.168.367
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.194.123.288	14.860.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	114.882.982.479	47.630.268.554
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.969.207.058)	(42.969.207.058)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.742.101.077	34.351.648.145
1. Hàng tồn kho	141	V.8	11.742.101.077	34.351.648.145
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.205.030.615	11.145.128.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	675.038.524	1.276.419.901
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.557.947.091	9.419.141.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	972.045.000	449.567.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.586.200.824	163.909.603.211
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.553.892.330	30.073.197.106
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	30.450.392.330	29.969.697.106
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	103.500.000	103.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.801.833.410	5.687.732.558
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	31.773.906.044	5.638.859.696
<i>Nguyên giá</i>	222		61.036.229.155	41.129.567.872
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.262.323.111)	(35.490.708.176)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.927.366	48.872.862
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(219.527.634)	(198.582.138)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		107.995.483.433	127.938.004.014
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	112.154.570.000	112.154.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.159.086.567)	(5.201.714.341)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	7.785.148.355
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.234.991.651	210.669.533
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.234.991.651	210.669.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		471.311.171.796	361.894.204.024

33/00
 TRƯỞNG
 KIỂM
 01/0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		214.763.904.399	188.418.808.976
I. Nợ ngắn hạn	310		200.363.273.843	173.083.002.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	77.668.235.136	58.243.121.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	56.683.155.990	49.312.115.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.401.451.594	3.700.276.382
4. Phải trả người lao động	314		1.776.738.903	5.539.688.606
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	19.666.615.201	11.810.282.242
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	3.773.560.531
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		122.918.703	405.381.313
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	604.612.349	436.247.514
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	38.366.294.655	38.789.078.514
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.400.630.556	15.335.806.282
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	10.865.030.556	15.335.806.282
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	3.535.600.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

11/01/2023 10:00 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	145.894.620.284	180.696.155.771
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	145.894.620.284	180.696.155.771
4. Giá vốn hàng bán	11		132.934.610.511	184.220.621.168
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.960.009.773	(3.524.465.397)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.605.455.423	28.619.395.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.724.143.966	3.216.785.991
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.775.968.265	1.326.941.766
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.027.796.318	10.438.822.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.186.475.088)	11.439.321.441
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.224.099.711	2.282.451.025
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.166.035.674	2.356.829.860
13. Lợi nhuận khác	40		5.058.064.037	(74.378.835)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.871.588.949	11.364.942.606
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.094.716.600	2.520.451.061
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>776.872.349</u>	<u>8.844.491.545</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

002
ANH
TY
HỮU
TU
C
NỘI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.871.588.949	11.364.942.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10,11	4.769.031.420	3.189.452.167
- Các khoản dự phòng	03 VI.4	555.723.986	1.598.351.760
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(316.050.285)	20.590.326
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.664.029.899)	(28.487.249.339)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	2.775.968.265	1.326.941.766
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.992.232.436	(10.986.970.714)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(131.738.028.659)	28.339.500.481
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.609.547.068	10.153.849.901
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.829.281.651	(30.129.998.176)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(422.940.741)	(1.065.092.801)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.741.240.369)	(1.326.941.766)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(375.409.436)	(1.364.393.072)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(102.846.558.050)	(6.380.046.147)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.626.733.333)	(3.604.680.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	4.631.559.974	72.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(57.566.800.000)	(78.932.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	77.347.446.390	96.211.565.129
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(49.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.793.362.571	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.221.669.630	3.779.438.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	41.800.505.232	(21.672.949.674)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	82.295.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	74.203.377.421	130.880.794.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(71.090.561.280)	(103.982.960.859)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>85.407.816.141</u>	<u>26.897.834.100</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.361.763.323	(1.155.161.721)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.816.963.479	12.973.035.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		740.077	(909.849)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>36.179.466.879</u>	<u>11.816.963.479</u>

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Số 83 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	60%	60%	60%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 61 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 100 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

SA
CH
C
CH
VI

GI/T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	590.825	12.342.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.312.855	11.804.621.229
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	36.147.563.199	-
Cộng	<u>36.179.466.879</u>	<u>11.816.963.479</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	<u>27.791.736.291</u>	<u>34.314.990.418</u>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống ⁽ⁱ⁾	27.791.736.291	34.314.990.418
Dài hạn	-	<u>7.785.148.355</u>
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	-	3.225.148.355
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	-	4.560.000.000
Cộng	<u>27.791.736.291</u>	<u>42.100.138.773</u>

(i) Trong đó, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng số tiền 20.427.573.077 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng này.

(ii) 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trong năm, Công ty đã tắt toán số trái phiếu này.

1496
CHI
CÔ
H NH
TOÁ
A
TẠI
G D.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	112.154.570.000	(4.159.086.567)	112.154.570.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	21.030.000.000	(4.159.086.567)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49.200.000.000	-	49.200.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	13.200.000.000	(1.598.351.760)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin ^(iv)	-	-	13.200.000.000	(1.598.351.760)
Cộng	112.154.570.000	(4.159.086.567)	125.354.570.000	(5.201.714.341)

(i) Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và để tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại đang làm thủ tục giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 03 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401218048 ngày 09 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty Cổ phần CM Phan Thiết có vốn điều lệ là 82.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Phan Thiết 49.200.000.000 VND, sở hữu 4.920.000 cổ phiếu, chiếm 60% vốn điều lệ. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CM Phan Thiết với giá chuyển nhượng dự kiến không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Ngày 19 tháng 9 năm 2022, Công ty đã ký các hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho 03 cá nhân, việc chuyển nhượng chưa hoàn thành do các cá nhân chưa thanh toán đủ tiền chuyển nhượng.

(iv) Thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT/CMH ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng cổ phần đã góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin, ngày 23 tháng 3 năm 2022 Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 1.320.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin với giá 8.500 VND/cổ phần.

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, tương ứng 27.368.000.000 VND (số đầu năm: 27.368.000.000 VND).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5-002-C
HÀNH
TY
HỮU H
VÀ TƯ V
C
HÀ NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể.
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.201.714.341	9.485.185.102
Trích lập dự phòng bổ sung	555.723.986	1.598.351.760
Sử dụng dự phòng do thanh lý khoản đầu tư	(1.598.351.760)	(5.881.822.521)
Số cuối năm	4.159.086.567	5.201.714.341

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường		
Mua vật tư của Công ty con	-	44.217.000
Thuê máy móc thiết bị của Công ty con	-	1.965.000.000
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết		
Góp vốn	-	49.200.000.000

Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 giữa Bên A (là các cổ đông của bên B), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên ("Công ty nhận chuyển nhượng dự án") để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ("Dự án"), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang (*)	36.780.000.000	56.780.000.000
Ông Nguyễn Đức Anh	36.780.000.000	-
Ông Phạm Văn Tùng	-	56.780.000.000
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	42.490.124.868	-
Các khách hàng khác	43.563.380.959	25.537.640.216
Cộng	122.833.505.827	82.317.640.216

(*) Công ty đã chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang cho ông Phạm Văn Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/12/2021, tổng giá trị chuyển nhượng 66.780.000.000 VND, thời hạn thanh toán trước ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong năm 2022, Ông Phạm Văn Tùng đã thanh toán thêm 20.000.000.000 VND và chuyển nhượng số cổ phần này cho ông Nguyễn Đức Anh (Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CM Nha Trang) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phần và Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 01 ngày 20/10/2022. Ông Nguyễn Đức Anh cam kết thanh toán số tiền 36.780.000.000 VND thay cho Ông Phạm Văn Tùng trước ngày 30/06/2023.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hazama Ando Corporation	6.713.266.788	6.111.274.038
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	4.761.319.000	9.142.548.356
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	7.669.233.000	7.586.317.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	5.000.000.000	-
Các khách hàng khác	6.306.573.542	7.129.557.712
Cộng	30.450.392.330	29.969.697.106

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thành Sen	-	1.566.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Nhân lực và Thương mại vận tải	1.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Trường Sanh Điện Biên	4.605.500.000	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng Bisico	1.186.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.433.731.574	2.950.668.367
Cộng	9.865.231.574	4.517.168.367

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Ngô Thị Trang ⁽ⁱ⁾	10.194.123.288	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	-	14.860.000.000
Cộng	10.194.123.288	14.860.000.000

⁽ⁱ⁾ Cho vay Bà Ngô Thị Trang (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 07/04/2022, mục đích thực hiện các hoạt động hợp pháp, thời hạn 31/12/2022, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱ⁾ Cho vay Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ theo Hợp đồng cho vay ngày 30/11/2021 và hợp đồng vay số 14/2022/HĐV/CMH-THPT ngày 21/3/2022, mục đích thực hiện hoạt động hợp pháp, thời hạn 3 tháng, lãi suất 3,6%/năm. Hợp đồng vay được thế chấp bằng 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ được sở hữu bởi 03 cổ đông cá nhân. Trong năm, khoản cho vay này đã được chuyển thành khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Chi tiết như sau:

Số đầu năm	14.860.000.000
Cho vay trong năm	20.000.000.000
Lãi cho vay nhập gốc	234.842.249
Chuyển sang Hợp đồng đặt cọc	(35.094.842.249)
Số cuối năm	-

M.S.C.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.713.473.722</i>	<i>-</i>	<i>1.619.892.058</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	6.000.000	-	6.000.000	-
Ông Phạm Minh Phúc - Tạm ứng	-	-	300.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú -Tạm ứng	1.533.781.076	-	971.914.482	-
Ông Dương Ngọc Trường -Tạm ứng	892.500.000	-	60.784.930	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	279.494.000	-	279.494.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>112.169.508.757 (39.850.706.013)</i>	<i>-</i>	<i>46.010.376.496 (39.850.706.013)</i>	<i>-</i>
Dư thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	1.501.041.392	-	1.295.758.992	-
Tạm ứng	5.004.186.858	-	2.882.974.312	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	63.870.775.678	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.058.271.179	-	1.275.271.179	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-	21.540.049.741 (21.540.049.741)	-
Công ty Cổ phần Cavico Khai Thác Mỏ và Xây dựng	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-	5.700.000.000 (5.700.000.000)	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-	12.610.656.272 (12.610.656.272)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	884.527.637	-	705.666.000	-
Cộng	114.882.982.479 (39.850.706.013)	-	47.630.268.554 (39.850.706.013)	-

(*) Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 và Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ “Đặt cọc” để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận. Tại thời điểm ký Hợp đồng khung, toàn bộ số tiền cho vay (xem Thuyết minh số V.5) được chuyển thành tiền đặt cọc là 35.094.824.249 VND.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi sau đây đều có giá gốc bằng giá trị dự phòng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	(21.540.049.741)	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	(2.267.704.120)	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	(704.446.925)	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	(12.610.656.272)	(12.610.656.272)
Các khách hàng khác	(146.350.000)	(146.350.000)
Cộng	(42.969.207.058)	(42.969.207.058)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.803.406.219	-	10.143.718.322	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	8.938.694.858	-	24.207.929.823	-
Cộng	11.742.101.077	-	34.351.648.145	-

(*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nậm Ngừm	-	5.944.845.693
Dự án KrongPack Thượng	-	988.966.232
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	-	995.075.206
Dự án Hàm Trường Vinh	2.195.560.688	16.253.818.132
Dự án Cẩm Khê Central Park	3.487.575.309	-
Dự án Khu vực Phú Thọ	1.684.189.391	-
Dự án Khu vực Kontum	569.288.514	-
Dự án Khu vực Bến Tre	1.002.080.956	-
Các dự án khác	-	25.224.560
Cộng	8.938.694.858	24.207.929.823

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	334.089.605	1.171.926.257
Chi phí sửa chữa	-	41.144.281
Phí bảo lãnh	93.668.232	15.211.948
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	247.280.687	48.137.415
Cộng	675.038.524	1.276.419.901

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dịch vụ	424.682.369	45.942.574
Phí bảo lãnh	12.737.503	19.685.227
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	759.234.027	65.800.980
Các chi phí trả trước dài hạn khác	38.337.752	79.240.752
Cộng	1.234.991.651	210.669.533

HI
CỔ
NI
10/
A
TÀI
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	33.093.501.662	7.485.930.999	550.135.211	41.129.567.872
Mua trong năm	23.601.333.333	8.070.000.000	31.000.000	31.702.333.333
Thanh lý, nhượng bán	(11.795.672.050)	-	-	(11.795.672.050)
Số cuối năm	44.899.162.945	15.555.930.999	581.135.211	61.036.229.155
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.275.102.338	3.146.169.363	493.181.575	21.914.453.276
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	28.797.298.960	6.198.135.258	495.273.958	35.490.708.176
Khấu hao trong năm	3.154.796.174	1.576.908.586	16.381.164	4.748.085.924
Thanh lý, nhượng bán	(10.976.470.989)	-	-	(10.976.470.989)
Số cuối năm	20.975.624.145	7.775.043.844	511.655.122	29.262.323.111
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.296.202.702	1.287.795.741	54.861.253	5.638.859.696
Số cuối năm	23.923.538.800	7.780.887.155	69.480.089	31.773.906.044
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Tài sản cố định có giá trị còn lại 4.166.666.666 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	160.582.138	38.000.000	198.582.138
Khấu hao trong năm	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm	181.527.634	38.000.000	219.527.634
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.872.862	-	48.872.862
Số cuối năm	27.927.366	-	27.927.366
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	40.702.292.087	40.735.292.087
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	32.522.151.329	32.555.151.329
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.965.943.049	17.507.829.193
Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni	18.075.600.000	
Các nhà cung cấp khác	18.890.343.049	17.507.829.193
Cộng	77.668.235.136	58.243.121.280

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	990.987.779	1.951.177.300
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	1.669.338.000	1.022.724.501
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	2.227.279.180	2.206.379.840
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	2.308.514.033
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.587.922.350	1.018.192.750
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.593.881.497	1.053.552.720
Các nhà cung cấp khác	1.207.015.750	4.186.659.138
Cộng	10.865.030.556	15.335.806.282

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	8.643.627.000	25.003.560.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	-	11.258.000.000
Ban Quản lý Dự án các Công Trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên	9.495.000.000	9.495.000.000
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	20.800.000.000	-
Nguyễn Văn Thắng (**)	5.199.999.990	-
Nguyễn Thị Loan (**)	6.400.000.000	-
Phạm Đức Thắng (**)	3.400.000.000	-
Các khách hàng khác	2.744.529.000	3.555.555.000
Cộng	56.683.155.990	49.312.115.000

(*) Tiền ứng trước theo Hợp đồng tổng thầu EPC ngày 11/2/2022 dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Giá trị hợp đồng tạm tính 1.026,362 tỷ VND. Tiến độ dự kiến 60 tháng, từ quý I/2022 đến quý IV/2026. Công ty được tạm ứng 5% giá trị hợp đồng từng năm, tương đương số được ứng năm 2022 là 22,8 tỷ VND. Đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ đã ứng 20,8 tỷ VND.

(**) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 4.920.000 cổ phần của Công ty Cổ phần CM Phan Thiết (Công ty con) cho 3 cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 55/2022/CNCP, số 56/2022/CNCP và số 57/2022/CNCP ngày 19/9/2022 với giá chuyển nhượng 10.244 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 50.400.000.000 VND. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, việc chuyển nhượng chưa hoàn tất do các cá nhân chưa thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 35.400.000.010 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	449.567.000	-	(522.478.000)	-	972.145.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.897.933		1.094.716.600	(375.409.436)	3.600.205.097	-
Thuế thu nhập cá nhân	700.144.188	-	15.662.247	(196.766.295)	519.040.140	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	119.234.261	-	629.164.783	(466.192.687)	282.206.357	-
Cộng	3.700.276.382	449.567.000	1.742.543.630	(1.563.846.418)	4.401.451.594	972.045.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.871.588.949	11.364.942.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.601.994.050	12.261.144.462
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.750.309.475	13.505.767.492
<i>Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt</i>	643.296.866	200.354.841
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	228.000.000	198.000.000
<i>Khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ</i>	698.000.000	51.000.000
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền</i>	-	20.590.326
<i>Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước</i>	1.078.109.239	1.908.868.794
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	2.102.903.370	2.330.133.512
<i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	-	8.796.820.019
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.148.315.426)	(1.244.623.030)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu năm nay</i>	(316.050.285)	-
<i>Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản tiền, phải thu cuối năm trước</i>	(20.590.326)	(16.622.320)
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm</i>	(811.674.815)	(1.228.000.710)
Thu nhập chịu thuế	5.473.582.999	23.626.087.068
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(5.622.865.206)
Thu nhập tính thuế	5.473.582.999	18.003.221.862
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.094.716.600	3.600.644.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(1.080.193.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.094.716.600	2.520.451.061

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Nợ thuế quá hạn

Tại ngày 31/12/2022, số thuế quá hạn nộp bao gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp 2.505.488.497 VND, thuế thu nhập cá nhân 503.377.893 VND và lãi phạt chậm nộp 282.206.357 VND.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	34.727.896	-
Trích trước chi phí công trình	19.631.887.305	11.810.282.242
Cộng	<u>19.666.615.201</u>	<u>11.810.282.242</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.826.377	314.377.217
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	19.372.377
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	600.785.972	102.497.920
Cộng	<u>604.612.349</u>	<u>436.247.514</u>

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	19.698.471.321	19.698.471.321
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	6.624.000.000	6.624.000.000
Ông Nguyễn Đức Hưởng ⁽ⁱ⁾	11.000.000.000	11.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.667.823.330	19.090.607.193
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	3.269.030.698
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	16.834.223.334	15.821.576.495
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b)	1.833.600.000	-
Cộng	<u>38.366.294.655</u>	<u>38.789.078.514</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ông Nguyễn Đức Hưởng theo hợp đồng ngày 20/12/2021. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0% đến ngày 31/8/2022. Từ ngày 01/09/2022, lãi suất 4%/năm theo phụ lục gia hạn hợp đồng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên với lãi suất thả nổi, thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Lãi suất kỳ này là 6,9%. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	19.698.471.321	-	-	-	19.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.090.607.193	61.903.377.421	-	(64.159.761.280)	16.834.223.334
Vay ngắn hạn cá nhân	-	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.833.600.000	-	1.833.600.000
Cộng	38.789.078.514	67.503.377.421	1.833.600.000	(69.759.761.280)	38.366.294.655

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sờ giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	1.335.600.000	-
Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	2.200.000.000	-
Cộng	3.535.600.000	38.789.078.514

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sờ giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Vietinbank theo Hợp đồng ngày 29/08/2022 để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của công ty là 2 máy đào bánh lốp.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.833.600.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	3.535.600.000	-
Cộng	5.369.200.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	6.700.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.330.800.000)
Số kết chuyển	(1.833.600.000)
Số cuối năm	3.535.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	(7.157.146.497)	164.630.903.503
Lợi nhuận năm trước	-	-	8.844.491.545	8.844.491.545
Số dư cuối năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	1.687.345.048	173.475.395.048
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	1.687.345.048	173.475.395.048
Tăng vốn trong năm ⁽ⁱ⁾	82.525.000.000	(230.000.000)	-	82.295.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	776.872.350	776.872.350
Số dư cuối năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	2.464.217.398	256.547.267.398

⁽ⁱ⁾ Ngày 15 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 4527/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã bán 8.252.500 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 23,99% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán)

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	17.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	486,14	4,02
Euro (EUR)	132,33	2.378,09
Kíp Lào (LAK)	1.783,31	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	1.193.721,80	2.843,31

19b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh từ lâu ngày, đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc (Phải thu khách hàng)	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix (Trả trước người bán)	264.820.000	264.820.000
Cộng	14.192.085.023	14.192.085.023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	8.796.820.019	8.796.820.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	136.632.576	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	145.757.987.708	180.696.155.771
Cộng	145.894.620.284	180.696.155.771
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu khu vực trong nước	136.703.261.891	169.129.381.569
Doanh thu khu vực nước ngoài	9.191.358.393	11.566.774.202
Cộng	145.894.620.284	180.696.155.771

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh doanh thu cho thuê máy móc thiết bị với bên liên quan là Công ty Cổ phần CM Nha Trang, số tiền 109.090.909 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.129.630	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	132.907.480.881	184.220.621.168
Cộng	132.934.610.511	184.220.621.168
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn khu vực trong nước	125.971.746.481	166.357.662.528
Giá vốn khu vực nước ngoài	6.962.864.030	17.862.958.640
Cộng	132.934.610.511	184.220.621.168

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.220.100.153	3.107.479.545
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.158.660	6.340.056
Lãi tiền cho vay	706.559.073	32.860.000
Lãi đầu tư trái phiếu	306.660.000	312.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.927.252	198.533.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	316.050.285	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	24.961.822.521
Cộng	3.605.455.423	28.619.395.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.775.968.265	1.326.941.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.803.475	270.902.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	20.590.326
Lỗ chuyển nhượng Công ty liên kết	381.648.240	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	555.723.986	1.598.351.760
Cộng	<u>3.724.143.966</u>	<u>3.216.785.991</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.000.302.194	5.432.499.577
Chi phí vật liệu quản lý	13.725.545	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.692.634.162	767.537.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.642.778.109	221.455.383
Thuế, phí và lệ phí	7.722.222	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.268.312.977	3.950.505.465
Các chi phí khác	402.321.109	63.824.743
Cộng	<u>16.027.796.318</u>	<u>10.438.822.539</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	5.653.507.324	2.157.693.800
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.812.358.913	72.727.273
<i>Thu nhập từ thanh lý</i>	4.790.819.519	72.727.273
<i>Giá trị còn lại tài sản cố định</i>	(819.201.061)	-
<i>Chi phí thanh lý</i>	(159.259.545)	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc	2.757.433.429	-
Thu nhập khác	800.045	52.029.952
Cộng	<u>12.224.099.711</u>	<u>2.282.451.025</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	5.562.046.499	56.925.271
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	629.164.783	214.100.409
Các khoản nợ khó đòi không thu hồi được	751.009.063	-
Chi phí khác	223.815.329	2.085.804.180
Cộng	<u>7.166.035.674</u>	<u>2.356.829.860</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.451.119.300	65.981.777.432
Chi phí nhân công	14.309.977.529	22.076.157.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.769.031.420	3.189.452.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.389.452.020	89.600.759.666
Chi phí khác	1.773.591.595	3.293.239.661
Cộng	133.693.171.864	184.141.386.856

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay nhập gốc	806.367.196	869.242.409
Chuyển khoản cho vay thành đặt cọc	35.094.842.249	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	-	300.000.000
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	300.000.000	200.000.000
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	2.361.465.070	65.000.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	-	1.868.494.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.455.140.000	2.696.705.585
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	-	500.000.000
Vay Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Trả tiền vay cho Bà Đinh Thị Thủy	-	12.094.000.000
Vay Ông Nguyễn Đức Hường	-	11.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	601.000.000	180.000.000	781.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	667.000.000	18.000.000	685.000.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	384.800.000	6.000.000	390.800.000
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	6.000.000	6.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	202.000.000	-	202.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	498.800.000	-	498.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.001	-	497.600.001
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	606.800.000	-	606.800.000
Cộng		<u>3.458.000.001</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.710.000.001</u>
Năm trước				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	616.000.000	180.000.000	796.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	670.000.000	16.500.000	686.500.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	372.800.000	16.500.000	389.300.000
Ông Lương Sơn Hùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban KTNB	-	18.000.000	18.000.000
Ông Dương Ngọc Trường	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	618.800.000	18.000.000	636.800.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	1.500.000	1.500.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	509.300.000	-	509.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Cộng		<u>3.284.500.000</u>	<u>250.500.000</u>	<u>3.535.000.000</u>

449E
CHI
CƠ
CH NH
H TOÁ
A
TẠI
V G Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết (đến ngày 23/3/2022)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.12a.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm nay tập trung ở khu vực trong nước, với lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng, lắp đặt công trình. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh. Chi tiết các loại Doanh thu và Giá vốn được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2019 đến năm 2021 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 24/6/2022, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 31143/QĐ-CTHN-TTKT3-XPVPHC ngày 1/7/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu Công ty kê khai, điều chỉnh các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, nộp bổ sung các khoản thuế, khoản phạt chậm nộp theo kết quả kiểm tra.

Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, số tiền 1.557.224.008 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.869.444.236 VND;
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 119.234.261 VND.

15-C
HÀ
T
M
H
V
C
H
T

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10.976.365.799	(1.557.224.008)	9.419.141.791
Tổng Tài sản	270	363.451.428.032	(1.557.224.008)	361.894.204.024
Nợ phải trả	300	186.430.130.479	1.988.678.497	188.418.808.976
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.711.597.885	1.988.678.497	3.700.276.382
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	177.021.297.553	(3.545.902.505)	173.475.395.048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.233.247.553	(3.545.902.505)	1.687.345.048
Tổng Nguồn vốn	440	363.451.428.032	(1.557.224.008)	361.894.204.024
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.377.585.796	61.236.743	10.438.822.539
Chi phí khác	32	741.608.334	1.615.221.526	2.356.829.860
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.041.400.875	(1.676.458.269)	11.364.942.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.278.653.402	1.241.797.659	2.520.451.061
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.762.747.473	(2.918.255.928)	8.844.491.545
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	13.041.400.875	(1.676.458.269)	11.364.942.606
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.782.276.473	1.557.224.008	28.339.500.481
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.249.232.437)	119.234.261	(30.129.998.176)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân